

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG GIANG
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30/6/2025
V/v: “*Hủy kết hôn trái pháp luật,
tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG GIANG, TỈNH QUẢNG NAM**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Mạc Văn Hình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lê.

Bà Đinh Thị Thết.

- *Thư ký phiên tòa:* ông Đỗ Duy Phú, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Giang tham gia phiên tòa:* ông Nguyễn Minh Tuyền, Kiểm sát viên.

Hồi 07 giờ 30 phút, ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 02/2025/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 02 năm 2025 về việc “*Hủy kết hôn trái pháp luật, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2025/HPT-QĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị TH, sinh năm 1995

Địa chỉ: thôn C, xã A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- *Bị đơn:* anh AT, sinh năm 1982

Địa chỉ: thôn C, xã A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ: thôn C, xã A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/02/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị TH trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị TH và anh AT kết hôn vào ngày 17/9/2012 tại UBND xã A, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh AT thường xuyên uống rượu, gây gỗ, quậy phá, nhiều lần xúc phạm chị TH và gia đình. Trong cuộc sống, anh AT là người vô tâm, không lo làm ăn, nếu có tiền thì tự tiêu xài cá nhân, không chia sẻ, gánh vác việc gia đình. Hiện nay anh chị đã sống ly thân.

Tại thời điểm kết hôn, chị TH chỉ mới 16 tuổi 11 tháng 21 ngày, còn thiếu 10 ngày mới đủ tuổi kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Khi đăng ký kết hôn bản thân chị và anh AT đều không biết chị chưa đủ tuổi. Khi Tòa án thụ lý vụ án xin ly hôn thì mới biết là chưa đủ tuổi kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa chị TH và anh AT là trái pháp luật, do đó yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh AT.

2. Về con chung: chị TH và anh AT có 02 con chung tên là P1, sinh ngày 26/12/2013 và P2, sinh ngày 14/11/2018. Chị TH có nguyện vọng trực tiếp nuôi 02 con, yêu cầu anh AT có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi cháu 500.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: chị TH không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh AT: anh AT có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Theo kết quả xác minh tại Công an xã A thì anh AT vẫn còn cư trú và sinh sống tại địa phương. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập cũng như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh AT không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt không có lý do. Do đó, việc lấy lời khai của anh AT và việc hòa giải không thực hiện được.

Tại bản trình bày ngày 27/3/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã A cho biết:

Ngày 17/9/2012, UBND xã A có tiếp nhận hồ sơ đăng ký kết hôn giữa anh AT, sinh ngày 01/01/1982 và chị TH, sinh ngày 26/9/1995. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, UBND xã đã tiến hành giải quyết theo quy định pháp luật. Trong quá trình làm thủ tục, công chức Tư pháp xã đã có sự sai sót khi không kiểm tra kỹ độ tuổi của chị TH mà đã làm thủ tục đăng ký kết hôn. Thời điểm đăng ký kết hôn chị TH chỉ mới 16 tuổi 11 tháng 21 ngày, chị TH còn thiếu 10 ngày mới đủ tuổi kết hôn theo quy định Luật hôn nhân gia đình năm 2000. Việc đăng ký kết hôn cho chị TH khi chưa đủ tuổi là sai sót trong quá trình làm thủ tục, chứ không cố ý làm sai. Vì vậy UBND xã đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh AT và TH đúng theo quy định.

Qua xác minh tại UBND xã và Hội Liên hiệp Phụ nữ xã A cho thấy giữa chị TH và anh AT mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không hợp nhau, anh AT hay ghen, hoàn cảnh gia đình khó khăn; cả hai đều không có việc làm ổn

định, chủ yếu làm rẫy, làm thuê khai thác cây keo. Vợ chồng có ngôi nhà nhỏ đơn sơ, sườn gỗ, phen tre. Vài năm trở lại đây chị TH đã về nhà cha mẹ ruột để sinh sống.

** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tòa, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn chị TH đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 186, 188, 189 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh AT trong quá trình giải quyết vụ án không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa tòa hôm nay, anh AT vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh AT và chị TH.

- Về quan hệ con chung: đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung tên là P1, sinh ngày 26/12/2013 và P2, sinh ngày 14/11/2018 cho chị TH trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật. Buộc anh AT có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi con chung 500.000 đồng/tháng cho đến khi mỗi cháu đủ tuổi thành niên.

- Về quan hệ tài sản chung và nghĩa vụ chung: chị TH không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi ngTH cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị TH có đơn khởi kiện yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật với anh AT, được nuôi 02 con chung. Anh AT có nơi cư trú tại huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 29, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là: "*Hủy kết hôn trái pháp luật, tranh chấp về nuôi con*", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam.

Bị đơn được triệu tập hợp lệ và vắng mặt tại phiên tòa tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh AT có đăng ký kết hôn với chị TH vào ngày 17/9/2012 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, theo Giấy đăng ký kết hôn số 25/2012, việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Theo sổ đăng ký kết hôn, giấy khai sinh thì họ tên, ngày sinh của chị TH là TH, sinh ngày 26/9/1995. Nhưng theo Căn cước công dân và

xác nhận thông tin về cư trú thì TH, ngày sinh là 21/9/1995. Đối với anh AT, trong sổ đăng ký kết hôn, xác nhận thông tin về cư trú là sinh ngày 01/01/1982. Nhưng trong giấy khai sinh của con lại là sinh ngày 01/01/1980. Tuy nTH, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do người khởi kiện cung cấp cho Tòa án như trích lục khai sinh, biên bản lấy lời khai; ý kiến xác nhận của UBND xã A; biên bản xác minh của Tòa án tại UBND xã và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định chị TH có ngày sinh là 26/9/1995. Anh AT có ngày sinh là 01/01/1982. Lý do có sự khác biệt về họ tên, ngày, tháng năm sinh của chị TH và anh AT là do sai sót trong quá trình kê khai.

Vì vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn (ngày 17/9/2012), chị TH, sinh ngày 26/9/1995 mới 16 tuổi 11 tháng 21 ngày, còn thiếu 10 ngày nên chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn và thuộc trường hợp kết hôn trái pháp luật, vi phạm vào Điều 9 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000. Sau khi xem xét nội dung khởi kiện, Tòa án nhận thấy yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của chị TH là có căn cứ nên cần hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh AT và chị TH tại giấy đăng ký kết hôn số 25/2012, ngày 17/9/2012 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại Điều 16 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 10, Điều 11 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 là đúng quy định.

[3] Về con chung:

Chị TH và anh AT có 02 con chung tên là P1, sinh ngày 26/12/2013 và P2, sinh ngày 14/11/2018. Chị TH có nguyện vọng nuôi 02 con, yêu cầu anh AT có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi cháu 500.000 đồng/tháng cho đến khi mỗi cháu đủ tuổi thành niên.

Xét, từ khi chị TH và anh AT không còn sống chung các con đều ở với chị TH và các con sinh sống, phát triển bình thường; chị TH là người mẹ luôn quan tâm, chăm sóc con, có nguyện vọng được nuôi các con, nguyện vọng của cháu Phí là được ở với chị TH. Đối với anh AT trong quá trình giải quyết vụ án luôn trốn tránh, không hợp tác với Tòa án mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Anh AT không có bản trình bày, Tòa án không gặp và làm việc được với anh AT, do đó không biết nguyện vọng anh AT về con chung. Theo lời trình bày của nguyên đơn cũng như kết quả xác minh tại địa phương thì anh AT thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn, không quan tâm con cái nếu giao con cho anh AT thì sẽ không đảm bảo phát triển bình thường cho các con. Vì vậy Hội đồng xét xử giao 02 con cho chị TH trực tiếp nuôi là đúng pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị TH yêu cầu anh AT có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi người con là 500.000 đồng/tháng cho đến khi đủ tuổi thành niên là phù hợp cần được chấp nhận.

[4] Quan hệ tài sản, nghĩa vụ chung: Chị TH không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này, khi có đơn yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Năm 2025, hộ gia đình anh AT là hộ nghèo nên chị TH và anh AT được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 29, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; các Điều 10, 11, 12, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị TH và anh AT, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25, ngày 17/9/2012 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ đã đăng ký cho chị TH và anh AT.

2. Về nuôi con chung: Giao con P1, sinh ngày 26/12/2013 và P2, sinh ngày 14/11/2018 cho chị TH trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Anh AT có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với chị TH mỗi người con số tiền là 500.000đ/tháng (năm trăm nghìn đồng), tổng số tiền cấp dưỡng cho 02 con là 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 7/2025 cho đến khi cháu Phí, cháu Phô thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh AT có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị TH không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị TH, anh AT được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/6/2025). Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Đông Giang;
- Chi cục THADS huyện Đông Giang;
- UBND xã Mả Cooih;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Mạc Văn Hình